

QUANH CHUYỆN BA LẦN LÊN TRẠI ĐỪNG

Nguyễn Khắc Phi*

Tôi đã từng viết không ít bài mang tính chất hồi ký ghi lại những sự việc, những kỷ niệm không thể nào quên song vẫn luôn thầm nhủ rằng, chừng nào chưa viết được về chuyện ba lần lên Trại Đưng⁽¹⁾ thì tôi vẫn còn mang một món nợ lớn với mọi người, đặc biệt đối với thân phụ tôi, người đã từ già cỗi đời ở Trại Đưng, một nơi hoang vu hẻo lánh dưới chân Trường Sơn, ở một thời điểm lịch sử đặc biệt, vào khoảnh khắc xung quanh tuyệt không có một người thân để ít nhất cũng có thể thốt một đôi lời trắng trối và để được thắp một nén nhang tưởng niệm! Nghe tôi kể lại vài chi tiết của những chuyến đi ấy, không ít bà con và bạn bè đã giục tôi viết hồi ký song tôi vẫn chần chờ vì thấy hình như điều kiện vẫn chưa thật chín muồi. Năm Giáp Ngọ là thời điểm hội đủ mọi yếu tố buộc tôi phải vượt qua thái độ quá thận trọng ấy: thân phụ tôi đã ra đi đúng 60 năm (1954-2014), cũng là lúc đâu đó dấy lên những thông tin nhiễu về những ngày cuối đời của Người.

Trong số anh chị em trong gia đình, tôi là người có điều kiện gần gũi thân phụ tôi hơn trong những năm cuối đời của cụ và là người duy nhất đi ba lần lên Trại Đưng: *lần thứ nhất*, hè 1954, cùng với em trai - Nguyễn Khắc Phê bấy giờ mới 15 tuổi, chị Chuyết (chị dâu) và Cúc (em gái con chú ruột) đưa thân phụ tôi lên trại giam - Trại Đưng; *lần thứ hai*, hè 1957, tôi và chị Chuyết lên thay tiểu (cải cát) cho cụ; *lần thứ ba*, cùng anh Viện đưa di hài cụ ra Hà Nội. Lần thứ ba, cùng đi có Nguyễn Thế Việt, sinh viên Khoa Văn Trường Đại học Sư phạm Vinh vừa được giữ lại làm cán bộ giảng dạy, quê gần Trại Đưng và chú Vịnh, lái xe của Nxb Ngoại văn (nay là Nxb Thế giới).

*

* *

Trước khi kể chuyện *ba lần lên Trại Đưng*, xin được kể về *ba lần mất thời cơ* của tôi.

Tôi, anh Phan Huy Lê, anh Phạm Hoàng Gia... là thuộc lớp đầu tiên của Trường cấp III Phan Đình Phùng, một trong những trường THPT nổi tiếng nhất của cả nước lúc bấy giờ. Hầu hết bạn bè trong lớp tôi đều học giỏi. Riêng tôi, còn vừa đoạt giải nhất trong đợt thi học sinh giỏi toán của toàn Liên khu IV. Không chỉ thế, còn được vào Đoàn Thanh niên Cứu quốc rất sớm, được bầu vào Ban chấp hành hiệu đoàn, được mẹ mua cho xe đạp, đàn ghi-ta... Không phải là “cuộc đời *vẫn* đẹp sao” mà thật sự là đẹp, không chỉ đẹp mà còn đi lên phơi phơi trong không khí “toàn thể nhân dân hiện đương tích cực chuẩn bị để bước qua tổng phản công, ai nấy cũng một lòng tin tưởng rằng sự thắng lợi hoàn toàn đã sắp tới” (Thư của thân phụ tôi đề ngày 1/6 năm 1950 gửi cho anh Nguyễn Khắc Viện bấy giờ đang ở Pháp).

* Giáo sư, nguyên Tổng biên tập Nhà xuất bản Giáo dục.

Thế nhưng, khi học xong cấp III (bấy giờ chỉ có 9 năm), cửa các trường đại học lại chưa sẵn sàng mở nên lớp tôi lại phải học thêm một học kỳ bổ túc nữa (vì vậy lớp tôi còn có một biệt danh là “9 bổ túc”). Sau khi học xong lớp 9 không lâu, chẳng may tôi bị đau ruột thừa rồi vỡ mủ chuyển thành viêm phúc mạc (péritonite). Nếu không có bác sĩ Lê Khắc Thiên, quân y trưởng Bình Trị Thiên, con rể của cô ruột tôi, được về nghỉ một tháng trước khi ra Việt Bắc chinh huấn, hàng ngày đến chữa chạy cho, trong đó có dùng những biện pháp cực mạnh thì tôi đã không qua khỏi! Thoát tay tử thần nhưng tôi là người duy nhất của lớp đã không được học mấy tháng “bổ túc” và sau đó sức khỏe vẫn còn rất yếu nên đã *mất cơ hội* đi học dự bị đại học ở Thanh Hóa như các anh Phan Huy Lê, Trương Hữu Quýnh, Phạm Hoàng Gia, Nguyễn Hồ Quỳnh, Trần Văn Hân... hay đi sang Khu học xá Nam Ninh như Đinh Nho Chương, Đào Luyện... Sau khoảng nửa năm dưỡng bệnh tại gia, mặc dầu rất buồn và sốt ruột vì thấy bạn bè cùng lớp đều được tiếp tục học tập, “máu hoạt động” như một thứ bản năng từ bé trong tôi vẫn hồi sinh: lại tiếp tục sinh hoạt Đoàn Thanh niên Cứu quốc ở địa phương, lại tiếp tục làm công tác thông tin tuyên truyền, đặc biệt là lại hoạt động văn nghệ. Thật khó tưởng tượng là ở một địa bàn như quê tôi hồi đó mà tôi lại có thể tổ chức một dàn đồng ca có thể trình bày được những bài hợp xướng như *Du kích Sông Thao* của Đỗ Nhuận, *Trường chinh ca* của Lương Ngọc Trác, *Người Hà Nội* của Nguyễn Đình Thi! Hăng hái đến mức khi Đội Phát động đã về xã, tôi vẫn còn hồn nhiên dựng vở nhạc kịch *Lúa thoái tô* của Văn Ký mà “diễn viên” 100% là con tá điền của nhà tôi: con chú Thù, con mự Cần, con o Nghiêm...! Thật ra thì từ giữa năm 1953, qua việc thực hiện giảm tô mà gia đình tôi đã chấp hành một cách nghiêm túc và có thể nói là gương mẫu nữa, qua sách báo và cả tin truyền miệng đồn đại, hình như tôi cũng mừng tượng thấy một cuộc vận động lớn sắp diễn ra và cuộc vận động này có thể “đụng” đến gia đình mình, trước hết là ông cụ và biết đâu đến cả mình. Lo lắng rồi tự giải đáp, yên tâm rồi lại băn khoăn, thấp thỏm. Tâm trạng bắt đầu có những diễn biến mới, đa chiều nhưng xu hướng chủ yếu vẫn là hồn nhiên, lạc quan và tin tưởng. Có điều lạ là không chỉ tôi mà thân phụ tôi cũng vậy. Điều này, nghĩ kỹ, không phải không có cơ sở. Không kể anh Viện đang làm Bí thư Đảng ủy Việt kiều tại Pháp, chị Thảo sau khi tham gia nhiều chiến dịch, đang công tác ở Thư ký đoàn của Liên khu ủy, các anh rể đều giữ những trọng trách trong nhiều cơ quan nhà nước và quân đội, còn ở địa phương, cả gia đình đều rất hăng hái, tích cực: mẹ tôi làm Chủ tịch Hội Mẹ chiến sĩ xã, anh em chúng tôi tất cả đều sôi nổi tham gia mọi hoạt động ở nhà trường..., có gì mà phải quá lo lắng? Bố tôi còn đang giữ nhiều chức vụ từ xã cho đến Liên khu, nhiều cán bộ cao cấp vẫn qua lại như tướng Nguyễn Sơn, các ông Tôn Quang Phiệt, Hà Huy Giáp,... Theo nhà văn - anh hùng lao động Sơn Tùng trong hồi ký *Còn in* trong cuốn *Nguyễn Ái Quốc qua hồi ức của bà mẹ Nga* do Nxb Thanh niên in năm 2008, thì Hồ Chủ tịch đã 2 lần gửi thư mời thân phụ tôi ra Việt Bắc, lần đầu do ông Trần Đăng Ninh chuyển vào đầu năm 1948, lần thứ hai vào đầu năm 1951 (mời ra dự Đại hội Toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt) do Đồng lý văn phòng Bộ Nội vụ Phạm Khắc Hòe đích thân đến Hương Sơn trao tận tay. Quả thật, do nhiều nguyên nhân, trong đó có việc quen biết nhau từ thuở thiếu thời nhờ chuyến đi của cụ Phó bảng Sắc sang Hương Sơn thăm cụ

Cử Hà Học Văn là thầy dạy của thân phụ tôi, thân phụ tôi đã có một tình cảm đặc biệt đối với Hồ Chủ tịch. Điều này đã biểu hiện một cách rõ ràng, nhất quán trong những lời nói, những bài viết đã được công bố. Vậy tại sao cả hai lần thân phụ tôi lại không ra Việt Bắc? Lần đầu thì cụ đã nói rõ, chủ yếu là do mặc cảm: quan lại cao cấp của chế độ cũ mà được giao nhiều nhiệm vụ như thế là quá ưu ái rồi, ra Trung ương sợ chẳng làm được gì hơn lại làm phiền chính phủ. Chính thân phụ tôi đã thêu thào phân trần lại với tôi như vậy trên con đường tôi đưa cụ lên Trại Đưng. Còn lần thứ hai? Có thể cụ vẫn giữ nguyên ý nghĩ đó, có thể còn do bấy giờ sức khỏe của cụ đã giảm sút rõ rệt, cũng có thể do cụ chưa thể tiên lượng được những gì có thể xảy ra sau đó chỉ vài năm. Khi tiến hành thực hiện các chính sách thuế và chính sách giảm tô, với một cái nhìn sắc sảo tinh nhạy, anh Nguyễn Cảnh Đính, con dì ruột tôi, giáo viên Trường cấp II Hương Sơn ở trong nhà, hình như mấy lần có nhắc nhở, nói đúng hơn là cảnh báo mấy điều gì đó nhưng thân phụ tôi đều tỏ ý không tán thành, ý nghĩ chính của cụ mà tôi đọc được là: có cụ Hồ ở trên, người ta không thể làm như thế và nếu có ai đó, nơi nào đó làm sai thì trước sau thế nào cũng sẽ được sửa chữa. Nếu tình cảm không trong sáng, đôn hậu chân thực như thế thì ngày Tết Trung thu năm 1953, thời điểm “đêm trước” những cuộc phát động quần chúng-cải cách ruộng đất (PĐQC-CCRĐ), phụ thân tôi không thể viết được những vần thơ trong trẻo hồn nhiên như một khúc đồng dao, ở đó chỉ trong 10 dòng thơ, cụ đã 5 lần nhắc tới “Bác” và đến hai câu kết thúc liền sau đó, lại nhắc tới Bác lần nữa: “*Tết đến năm sau, Bác về Thủ đô*”. Trong năm 1953, tôi không nhớ rõ tháng nào, có một lần ông Đặng Thai Mai đến chơi (ông có một người bà con lấy Tri huyện Đình Nho Bằng ở cạnh nhà tôi nên mỗi lần đến thăm đều tạt qua nhà đàm đạo với phụ thân tôi). Lần này có một điều đặc biệt là trước lúc ra về, ông có tặng hai quyển sách in bằng chữ Trung Quốc: một cuốn mỏng, bìa trắng, nhan đề là *Tân dân chủ chủ nghĩa luận* (Bàn về chủ nghĩa dân chủ mới) do Mao Trạch Đông viết vào tháng 1 năm 1940, một cuốn dày hơn, bìa xám, nhan đề là *Hồ Nam nông dân vận động khảo sát báo cáo* (Báo cáo về việc khảo sát phong trào nông dân ở tỉnh Hồ Nam) do Mao Trạch Đông viết vào tháng 3 năm 1927. Không rõ vì cuốn thứ nhất mỏng hơn, dễ đọc hơn hay nội dung có phần nhẹ nhàng hơn mà thân phụ đã dùng làm tài liệu dạy cho tôi học. Có thể đây là tài liệu chính trị viết bằng bạch thoại đầu tiên mà cụ đã đọc và dĩ nhiên đây cũng là những trang bạch thoại đầu tiên tôi được tiếp xúc. Chỉ sau mấy ngày, chẳng rõ vì cụ thấy nội dung sách chẳng có ích gì cho con mình hay vì thấy con mình cũng chẳng hào hứng nên thôi không bắt tôi học nữa! Sau này nhìn lại, có thể thấy đây không phải là việc trao một quà tặng bình thường, mà là chuyển một thông điệp hệ trọng nhưng bằng một phương thức cực kỳ tinh tế. Mọi người đều biết thầy Mai là nhà Trung Quốc học hàng đầu của Việt Nam, là bố của chị Bích Hà, phu nhân của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, và bản thân cũng là một nhà hoạt động chính trị, bấy giờ đang làm Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Thanh Hóa. Với những điều kiện và cương vị ấy, tất ông biết điều gì sắp diễn ra và những gì cần thông báo và có thể cần “cảnh báo” nữa cho thân phụ tôi, một nhà khoa bảng mà chắc ông rất kính nể và thông cảm. Không biết cụ có đọc cuốn thứ hai không và nếu có, cụ đã “giải mã” thông điệp nói trên như thế nào.

Năm 1953, một người con chú họ là Nguyễn Khắc Chiêu, sau khi tốt nghiệp Trung cấp Sư phạm, được cử về dạy ở Trường cấp II Hương Khê. Nơi gương “tự lập” không nhận cung cấp của gia đình trong suốt thời gian học cấp III của Nguyễn Khắc Nhuận, con chú ruột tôi, tôi xin phép gia đình đi Chu Lệ, nói là đi thăm Chiêu nhưng thực ra là đi tìm nơi làm gia sư. Mục đích của chuyến đi đã đạt được một cách nhanh chóng vì chỉ sau khi thăm dò một vài gia đình khá giả có nhu cầu, tôi đã được một gia chủ trẻ tuổi tên là Tráng nhận lời. Về nhà, đang tìm cách trình bày với gia đình việc xin lên Chu Lệ làm gia sư thì lại xuất hiện một sự lựa chọn mới: Cơ quan Việt Nam Thông tấn xã ở Việt Bắc tuyển học viên làm phóng viên có trình độ tốt nghiệp cấp III. Tôi làm gấp các giấy tờ cần thiết gửi đi ứng tuyển. Không lâu sau, tôi nhận được một giấy triệu tập ra Việt Bắc, người ký tên ở dưới là Giám đốc Việt Nam Thông tấn xã Hoàng Tuấn. Dĩ nhiên là tôi sẽ chọn lựa phương án sau. Song, chưa kịp thực hiện thì đầu năm 1954, không chỉ riêng tôi mà tất cả học sinh tốt nghiệp cấp III (bấy giờ số lượng khá đông vì học sinh khóa tốt nghiệp cấp III sau tôi nhiều gấp 3 khóa tôi) đều nhận được giấy của Liên khu ủy IV triệu tập đi chỉnh huấn tại Tân Sơn - Đô Lương - Nghệ An. Chuyện tìm việc, học hành phải tạm gác kể cũng tiếc nhưng chẳng hiểu vì sao bấy giờ tôi lại thấy nôn nao phấn khởi vì lần đầu được học một lớp chính trị quy mô, do Đảng cấp Liên khu phụ trách, lại có cơ hội gặp bạn bè sau bao ngày xa cách, dù với tôi bấy giờ hầu hết đều thuộc lớp dưới. Thực tế quả là như vậy. Có lẽ do tâm thế sẵn sàng đón nhận những điều mới lạ và tiến bộ, tôi thấy bài giảng nào cũng hay và hấp dẫn, từ bài của Bí thư Khu ủy Hoàng Anh, Phó bí thư Hoàng Văn Diệm kiêm Bí thư học ủy cho đến Ủy viên thường vụ - Giám đốc công an khu Nguyễn Hữu Khiếu... Thảo luận tổ hào hứng, liên hệ chân thành, triệt để, mặc dầu ngay sau đó cũng đã thấy có xu hướng tả khuynh, nhiều chi tiết thiếu chân thực thậm chí là bịa đặt. Không có con số thống kê nhưng phần lớn học sinh tốt nghiệp cấp III thời ấy đều xuất thân thành phần lớp trên, do đó, một trong những mục đích chính của lớp chỉnh huấn là làm cho học viên nhận thức được tính chất đúng đắn của chính sách ruộng đất, của khẩu hiệu “Người cày có ruộng” cùng những biện pháp để thực hiện chính sách, khẩu hiệu ấy, từ đó xác định lập trường kiên định đứng về phía nông dân, thuyết phục gia đình tuân thủ nghiêm ngặt mọi chính sách của chính phủ. Trong những buổi họp cuối cùng khi liên hệ với hoàn cảnh mỗi người, các bạn trong tổ đã góp ý với tôi là chưa nên đi làm gia sư, cũng chưa nên ra Việt Bắc mà phải ở lại địa phương để thử thách. Cuối buổi chiều trước đêm bế mạc, tôi được ông Hoàng Văn Diệm gọi lên giao nhiệm vụ. Cũng hơi hoảng vì không thể đoán biết được nhiệm vụ sẽ được giao. Thì ra, chẳng biết căn cứ vào đâu, ông Diệm giao cho tôi và Lê Thị Ngọc Chương nhiệm vụ... phát biểu ý kiến và phát biểu cho thật tốt, thật xúc động trong đêm bế mạc (sau khi tốt nghiệp đại học cùng khóa với tôi, Ngọc Chương về báo Văn nghệ, lấy bút danh là Thiếu Mai và từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng ban Lý luận của tờ tuần báo này). Phải chăng vì bấy giờ chị Phương Thảo đang làm việc ở Thư ký đoàn của Thường vụ khu ủy nên Bí thư học ủy đã biết tôi để chỉ định? Ngay từ phút xuất hiện đầu tiên trong buổi lễ khai mạc, ông Diệm đã để lại cho tôi - và có lẽ cho cả rất nhiều người nữa - một ấn tượng đẹp. Có dịp gặp trực tiếp, ấn tượng đó càng được củng cố.⁽²⁾

Tôi không thể nhớ hết mình đã nói những gì trong lời phát biểu nhưng có một điểm nhấn không thể nào quên là lời hứa ở lại địa phương để động viên gia đình thực hiện đúng chính sách ruộng đất của Đảng và Chính phủ. Hệ quả - mà nói là hậu quả có lẽ cũng không sai - của lời hứa đó là tôi đã chủ động bỏ qua *hai cơ hội* ngàn vàng nói trên mà ở lại quê để “được” thử thách. Hệ quả thứ hai là có khi do sợ bố mẹ không chấp hành nghiêm chỉnh chính sách, tôi đã có những hành vi không thỏa đáng. Điển hình là chuyện, khi nghe dư luận xì xào gia đình tôi giấu vàng - chả lẽ nhà Thượng thư, có hàng chục mẫu ruộng trong nhà lại không có nổi vài lạng vàng..., tôi đã “xoay” mẹ tôi rất dữ! (Sau này tôi mới biết rõ, hồi đầu Cách mạng, sau khi bố tôi được Tòa án Nghệ An miễn nghị, mẹ tôi đã dốc toàn bộ số vàng trong nhà nộp ngân sách để biểu thị lòng biết ơn đối với chính quyền mới; có lẽ số vàng cũng không được nhiều - mà với sự liêm khiết nổi tiếng của thân phụ tôi và lối tiết kiệm của mẹ tôi “có đồng nào tậu ruộng đồng ấy” thì làm sao có nhiều vàng được - nghe nói mẹ tôi đã vét toàn bộ số thóc trong “chạ” đem bán để nộp thêm tiền mặt!). Giờ đây, bình luận về những cách xử sự của tôi hồi ấy, có thể có những ý kiến khác nhau và đều rất thú vị. Lẽ đại khôn ở đời đôi khi thật khó bàn. Và chuyện đời, cũng không nên đặt vấn đề “giá như”. Biết đâu, “giá như” hồi đó tôi ra Việt Bắc, trong PDQC hoặc CCRĐ, tôi lại bị gọi về (về luôn hay về một thời gian như một số bạn của tôi, trong đó có anh Phan Huy Châu, một cán bộ quản lý ở Ty Công an Thanh Hóa, lúc học đại học)? Và “giá như” tôi ra Việt Bắc thì việc chuyển thân phụ tôi lên Trại Đưng sẽ diễn ra như thế nào?... Xét về nhiều mặt, việc ở lại địa phương quả đã đưa lại những thiệt thòi lớn đối với cá nhân tôi so với nhiều bạn cùng lớp ở phổ thông, song xét về một vài khía cạnh khác, vấn đề lại không đơn giản vậy. Không phải ngẫu nhiên, nhiều danh nhân đã gọi cuộc đời là một trường đại học lớn. Chính Khổng Tử đã thổ lộ: “*Ngô thiếu dã tiện, cố đa năng bỉ sự*” (Lúc trẻ ta nghèo hèn nên có thể làm được nhiều việc mọn. Tử hân, *Luận ngữ*). Tạm gác ra một bên chuyện tôi đã phải làm những “bỉ sự” đích thực nếu xét động cơ người điều động, như quét rác ở chợ (chợ Gôi chưa đủ mà còn cả chợ Choi ở bên kia sông nữa), những việc tạm gọi là “bỉ sự” như bán lạc rang ở chợ Hạ thuộc Đức Thọ, nơi mà cách đó chỉ mấy chục mét, và chỉ trước đó vài năm, trên sân vận động Châu Phong, tôi và Phan Trần Bảng đã bắt nhịp cho hơn một nghìn học sinh cấp II và cấp III Phan Đình Phùng hát bài *Thuyền ta vững lái* do chính tôi sáng tác,... thì những hoạt động lao động chân tay mà tôi đã làm, đối với tôi đều có ý nghĩa về nhiều mặt. Sau trận ốm thập tử nhất sinh, sức khỏe tôi hồi phục rất chậm nhưng tôi vẫn tranh thủ làm việc với ý thức rèn luyện. Không dám liên hệ với cụ Khổng, nhưng quả thật, nói hơi mất lập trường một chút, “Trong PDQC bị kỳ thị nên tôi có thể làm nhiều việc mọn”. Ít ai có thể tin rằng hồi đó, tôi có thể gánh được lúa tám lượm, tức nặng bằng hoặc hơn trọng lượng cơ thể tôi, có thể đẩy xe cút kít chở sọt đất theo ván trượt nặng gần một tạ từ dưới ruộng sâu lên mặt đường, có thể thả câu đay, đặt ống lươn, úp nơm bắt cá, đan rổ rá, bắt góc đan thúng mủng, là lá nón trên lưới cày, vót vành để làm nón bài thơ... Và, có sống qua những ngày tháng ấy, sau này tôi mới thực sự thấm thía lời của văn hào Lỗ Tấn khi nói về gia đình và thân thế mình: “Những ai từng sống trong cảnh sung túc rồi nửa đường sa sút đi, đại khái mới có thể hiểu được bụng dạ người đời”. Dầu trong đấu tố, có một

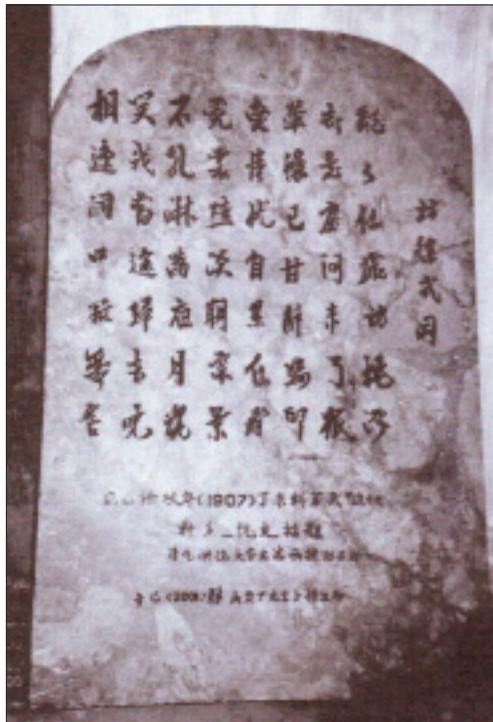
vài nông dân đã nói những điều hoàn toàn sai về bố mẹ tôi thì tôi cũng không bao giờ nghĩ rằng điều đó phản ánh bản chất của những người nông dân quê tôi. Chú Trung, cô Thí trạc tuổi tôi, hai người giúp việc cho nhà tôi những năm trước PDQC, dẫu ai xúi giục, cũng chưa bao giờ lên tố lảng nhăng như vậy. Hè năm 1957, thi tốt nghiệp đại học xong về thăm quê, khi đến chào Bí thư chi bộ xóm thì ngẫu nhiên gặp cô Thí ở đó. Sau khi lắng nghe tôi nói sơ qua tình hình học hành thi cử thì cô đã hạ một lời phán xét khiến tôi giật bắn mình: “Đấy! Hồi phát động tôi đã nói là không được đổ điều cho người ta mà có tội. Các ông thấy chưa, trứng rồng lại nở ra rồng mà!”. Tôi không dám nhận liềm mình có “gen rồng”, không dám và cũng không nỡ bình luận về câu nói thốt ra bất thành hình này, chỉ biết ghi nhận ở đây tình cảm chân thực, thân thương của một người bạn cũ, của một “đồng chí” Thanh niên Cứu quốc cũ từng cùng sinh hoạt một phân đoàn. “Bụng dạ người đời” ở quê tôi, người thế này kẻ thế nọ, nhờ một thời gian tương đối dài ở lại địa phương để “được thử thách”, tôi đều biết rất rõ. Đây là những khía cạnh “được”, dẫu là “bị động” và “ngoài ý muốn” bên cạnh cái “mất” đã đề cập.

*
* *

Một ngày đầu thu năm 1954, sau khi Tòa kết án phụ thân tôi 20 năm tù, 4 chị em tôi có nhiệm vụ đưa cụ lên Trại Đưng với sự áp giải của một cán bộ công an xã tên là Trần Minh. Bố tôi đã yếu từ lâu, qua những ngày bị giam giữ và dẫu tố, lại càng chóng suy sụp. Bốn chị em tôi thay nhau “gánh” cụ, Phê và Cúc đóng vai chủ lực, tôi và chị Chuyết chỉ thỉnh thoảng thay một lúc cho hai em mà thôi. Với tôi, đường lên Chu Lệ đã quen thuộc nhờ chuyến đi “tìm việc” chưa đầy một năm trước đó. Tuy vậy, từ Chu Lệ - huyện lỵ Hương Khê ngược lên, người đi lại dần thưa vắng, cảnh vật, núi rừng hai bên đường càng heo hút, thâm u. Sau khi ông Minh “bàn giao” phụ thân tôi cho Ban quản lý trại là chúng tôi phải về ngay, vả lại, thời gian đã qua quá lâu, chúng tôi không thể kể mọi chi tiết diễn ra dọc đường cũng như khoanh khắc thân phụ tôi, mất rớm lệ, cố quay lại nhìn bốn chị em lần cuối trước khi nhân viên trại khiêng cụ vào phía trong. Cho đến bây giờ, gia đình chúng tôi cũng chưa hề nhận được thông báo chính thức của cơ quan hữu trách cho biết cụ qua đời vào giờ nào, ngày nào. Qua lời kể của một số người còn sống trở về thì cụ đã mất vào ngày 13 tháng 8 âm lịch [tức ngày 09/9/1954. BBT], và lúc mai táng có anh Tống Trần Bình là con chị ruột của cụ, cũng là một tù nhân của Trại, tham gia. Song khốn nỗi, cho đến bây giờ bản thân số phận của anh Bình sau đó ra sao, cũng như quá trình hoạt động của anh trước đó thế nào kể cả khi Đảng còn hoạt động bí mật, cũng chưa được xác minh, nên câu chuyện của thân phụ tôi cũng đành dừng lại ở đó.

Nói vậy, không phải là chuyến đi lên Trại Đưng lần đầu tiên không để lại trong tôi những ấn tượng, những kỷ niệm sâu đậm.

Điều đầu tiên làm cho tôi mỗi lần nghĩ đến là thấy day dứt, bồn khoăn, xúc động, đó là thái độ của thân phụ tôi biểu hiện trong suốt cả cuộc hành trình. Sức đã quá yếu, hơi thở hỗn hển, giọng nói thều thào nhưng cụ như vẫn muốn tranh thủ từng giây để tâm sự với con cháu, đặc biệt là với chị Chuyết và



Mặt bia chữ Hán khắc bài “Phỏng Từ Thúc Động” dựng trước cửa động Từ Thúc (Thanh Hóa) năm 2001.

tôi. Điều rất lạ là mặc dầu đã bị ngược đãi trong suốt thời gian trước đó nhưng tuyệt không có khoảnh khắc nào cụ tỏ ra oán hận, mà thường lại tỉ tê về những khiếm khuyết của mình theo tinh thần vừa thanh minh vừa tự phê phán theo phương châm “Tiên trách kỷ hậu trách nhân”. Cụ rất xót xa vì thấy mình dường như có trách nhiệm trong việc làm cho con cháu thêm khổ sở. Chúng ta đều nhớ câu thơ mãi vẫn còn làm xúc động lòng người trong bài thơ *Thăm động Từ Thúc*: “Tiểu ngã đương đồ quy khứ vãn” (Ta cười ta làm quan lại bỏ về nhưng đã bỏ về muộn). Cụ đã hơn một lần giải thích vì sao lại như vậy, mặc dầu xin về hưu trước tuổi, ở tuổi 53, với bổng lộc đương hưởng và chắc còn được hưởng nhiều hơn, thật sự không phải là “muộn” mà là “sớm”, không chỉ là “sớm” mà còn là “quá sớm”, cụ không ngờ rằng chính việc làm mà cụ “tự phê” là “muộn mằn” ấy, hơn 70 năm về sau, đã được nhiều người biểu dương như một tấm gương cho “văn hóa từ chức”! Cuối đời cụ vẫn trần trở, sợ người đời còn chưa

hiểu thấu tâm sự cụ nên vẫn như còn muốn tiếp tục thanh minh! Câu chuyện năm 1930 hình như vẫn là điều nhức nhối nhất của cụ ở những giây phút cuối đời. Qua những lời yếu ớt đứt đoạn, cụ không nói rõ là mình oan nhưng cũng cố cho chúng tôi rõ thêm hoàn cảnh éo le đương thời, chính sách thâm hiểm của thực dân Pháp, tuy nhiên, thông điệp quan trọng nhất mà cụ muốn truyền lại là cụ đã không làm gì quá đáng, không mắc bẫy tội thực dân, biết sớm từ chức “quan nhà” để tránh cái tội “trị dân nhà”. Có lúc, tôi đã phải ngắt lời cụ: “Xin Thầy đừng nói nữa mà mệt. Mọi người đã hiểu rồi, chúng con cũng hiểu rồi. Nếu không như vậy thì làm sao hồi đầu cách mạng Tòa án Nghệ An miễn nghị cho Thầy được”. Gần đây, đọc kỹ cuốn hồi ký mang tên *Lạc Viên tiểu sử* của Tôn Thất Đàn in trong tạp chí *Nghiên cứu và Phát triển* số 5 (103). 2013 của Thừa Thiên Huế, tôi lại càng thấy những lời thổ lộ của cụ là hoàn toàn xác đáng. Năm 1926, Tôn Thất Đàn đã được cử làm Thượng thư Bộ Hình. Năm 1930, khi phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh nổi lên, Nam triều và chính phủ Bảo hộ Pháp giao cho ông và Bonhomme (Thanh tra Chính trị và Hành chánh sự vụ Trung Kỳ) nhiệm vụ ra ổn định tình hình tại Nghệ An và Hà Tĩnh. Sau nhiều lần từ chối, cuối cùng ông đã phải nhận lời. Trong cuốn hồi ký nói trên, ông đã kể lại hết sức tỉ mỉ nhiều sự kiện lớn nhỏ liên quan đến phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh năm 1930, trong đó tuyệt không có việc nào dính líu đến thân phụ tôi. Ông có nhắc tới thân phụ tôi 2 lần nhưng chỉ liên quan đến những việc hoàn toàn khác.

Điều thứ hai làm cho tôi ngạc nhiên không kém là thái độ, cách hành xử của ông cán bộ công an Trần Minh. Tôi chưa hề quen ông bao giờ mặc dầu nhà ông chỉ cách nhà tôi vài trăm mét và cách nhà của thân sinh chị Chuyết chỉ vài chục mét! Người ông cao và gầy, già trước tuổi, nét mặt đôn hậu nhưng có phần khắc khổ, được trang bị một khẩu súng trường không cấm lười lè để làm nhiệm vụ áp giải. Vì chưa hề quen nhau và “thân phận” đang quá khác nhau nên lúc đầu tôi hơi ngại giao tiếp. Tuy nhiên, qua quan sát, tôi phát hiện được một điều thú vị: thái độ của ông đối với chúng tôi và nhất là với thân phụ tôi, lúc trước mặt không có người nào khác lạ và khi ở chỗ đông người là không giống nhau. Ở chỗ đông người, tuy ông cố giữ vẻ lạnh lùng song cũng tuyệt không có một tý biểu hiện hách dịch, dữ tợn. Còn khi chỉ có chúng tôi, qua một số lần trao đổi ban đầu, ông dần thể hiện rõ thiện cảm, thậm chí có lúc còn nhắc nhở chúng tôi phải chăm sóc cụ thật chu đáo. Có câu chuyện như thế này từng được lan truyền ở quê tôi: trong chuyến đi lên Trại Đưng năm ấy, có lần khi cả đoàn chúng tôi đang nghỉ tại một quán hàng vắng người, ông Minh đã rót nước rồi dùng cả hai bàn tay nâng chén lên mời thân phụ tôi uống! Nghe nói, cảnh “ngược đời” và hành động “mất lập trường” ấy đã bất ngờ lọt vào mắt một thanh niên người Sơn Ninh vốn rất hâm mộ thân phụ tôi là Phan Khánh, sau này là cán bộ ngành Thủy lợi, hiện sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Minh là một cán bộ công an, không có quan hệ họ hàng, ân nghĩa gì với gia đình tôi nên tuyệt không thể xem đây là một việc làm mù quáng mà là một hành vi, một cách ứng xử khá dũng cảm, có cân nhắc chọn lọc trong một tình huống mang đầy ý nghĩa. Tôi thầm nghĩ: ở đây không chỉ có thái độ trân trọng, tình thương người rất đáng khâm định mà điều quan trọng hơn, thái độ ấy, tình thương ấy còn phản ánh một cách gián tiếp sự đánh giá công minh của nhân dân quê tôi đối với cụ. Và thái độ đúng mực của ông đã khiến cho thân phụ tôi và cả bốn chị em tôi suốt dọc đường tuyệt không bị ai dè bủ. Điều quan trọng hơn nữa là, khi đến xin nghỉ tạm tại nhà ông Gia, một nông dân ở ngay cạnh văn phòng trại giam, thân phụ tôi và cả bốn chị em tôi đều được đối xử rất tử tế. Và mối quan hệ tình cảm mới nảy sinh này đã đóng một vai trò quyết định cho thành công của hai chuyến lên Trại Đưng lần sau.

Trần Minh là một con người có thể làm nguyên mẫu cho một truyện ngắn cực hay. Nhà anh nghèo lắm nên phải xây dựng gia đình rất muộn. Suốt ngày dựa cột đan lát, nghe nói chiếc cột anh dựa lưng lồm vào một mảng lớn. Thế nhưng anh lại là một con người rất ham mê thơ ca truyền thống, những tác phẩm như *Chinh phụ ngâm* anh có thể đọc thuộc lòng.

Khi anh Nguyễn Khắc Viện được trao giải thưởng lớn của Viện Hàn lâm Pháp, anh đã trích một số tiền để xây dựng trạm xá xã. Anh Trần Học, Bí thư Đảng ủy xã bấy giờ (cùng với anh Hà Học Hùng, Chủ tịch xã) ra gặp anh Viện để tiếp nhận số tiền đó chính là con trưởng của ông Trần Minh.

*
* *

Đến mùa hè năm 1957, mẹ tôi và các em gái tôi đã sinh sống tại Vinh được hơn một năm, tình hình gia đình khá ổn định, cả gia đình đã được

đăng ký hộ khẩu chính thức tại thành phố, mẹ tôi đã có quyết định thay đổi thành phần... Tạt qua Vinh thăm mẹ và các em, tôi về quê ngay để bàn với chị Chuyết việc lên Hương Khê cải cát cho thân phụ. Chưa rõ tình hình ở khu trại giam nay ra sao, để tránh bị động, hai chị em quyết định mua tiểu từ nhà mang đi. Bấy giờ chưa có phương tiện giao thông nào khác ngoài đi bộ. Chiếc tiểu nhẹ nhưng cũng chỉ có thể dùng phương thức “gánh”. Em cao chị thấp, nhìn hơi ngộ nghĩnh và đi đường lăm lăm cũng chao đảo. May đoạn từ Chu Lệ đến Lộc Yên, chị em tranh thủ đi được một quãng đường bằng “goòng”. Chỉ đi mấy cây số nữa là đến nhà ông Gia năm xưa. Ông ấy bấy giờ đã biết rõ thân phụ tôi là người như thế nào nên đón tiếp hai chị em tôi không chỉ nhiệt tình mà ít nhiều còn với thái độ kính nể. Không cần trình bày, nhìn thấy chiếc tiểu, ông cũng đã biết mục đích chuyến đi của hai chị em. Ông cất lời nói trước: “Đã có vài gia đình lên làm chuyện này. Công việc đều thuận lợi vì mọi thứ vẫn còn nguyên vẹn. Chúng tôi rất kính trọng cụ Hoàng. Có gì cần, bà và cậu cứ bảo”. Việc có thể triển khai ngay nhưng theo tục lệ, chuyện này phải làm lúc sáng tinh mơ nên hai chị em phải nghỉ tối tại nhà ông. Mờ sáng hôm sau, tôi và chị Chuyết gánh tiểu, mang hương hoa, ông Gia mang các dụng cụ cần thiết ra nghĩa trang ở bãi Bưởi Đào cách đây không xa. Không được biết tình hình nghĩa trang năm xưa nên cũng khó so sánh, song trong lòng cũng thấy yên tâm vì ngoài vài nắm mộ đất còn mới do vừa cải cát, tất cả còn lại cỏ đều phủ xanh và quan trọng nhất, các mộ chí bằng gỗ lim còn nguyên vẹn, tên người đã khuất còn rõ ràng, nên chỉ trong vài phút đã có thể tìm ra mộ thân phụ tôi. Sau khi làm các thủ tục cần thiết, chúng tôi khẩn trương tiến hành công việc. Thú thực là tất cả đều nhờ ông Gia, chúng tôi chỉ thỉnh thoảng phụ trợ vài việc nhỏ. Rất mừng là di hài thân phụ vẫn còn gần như nguyên vẹn. Đúng lúc ông Gia vừa đặt nắp thiên lên và chuẩn bị gắn lại thì... không rõ do một lực lượng siêu nhiên nào ra lệnh hay xui khiến, hai chị em tôi bảo ông Gia dừng tay làm chính ông Gia cũng vô cùng ngạc nhiên. Việc diễn ra trong khoảnh khắc đúng là như thế song cho đến bây giờ tôi vẫn chưa xác định được 2 điều: Một là *ai* bảo ông Gia “dừng tay” lại, chị Chuyết hay tôi, hay cả hai thốt ra một lần? Hai là *vì sao* lại bảo dừng tay, nghĩa là dừng cái việc “gắn nắp thiên” lại? Chỉ biết, sau vài tích tắc trao đổi, hai chị em đều có chung một ý kiến: Nhất định sẽ có ngày đưa di hài cụ về, song đó là lúc nào? Bấy giờ mọi thứ ở đây đều rõ ràng, liệu về sau, có thể là rất lâu nữa, tình trạng có được như thế này nữa không?... Đã thống nhất ý kiến như thế thì biện pháp cũng dễ thống nhất đề xuất: *Thay nắp thiên bằng sành sứ có bằng một nắp thiên tự tạo bằng xi măng trộn sỏi cát trên đó đề tên thân phụ tôi cùng năm sinh năm mất*. Rất vui sướng là đề xuất ấy cũng được ông Gia hoàn toàn tán thành và chính ông cũng là người đã giúp chị em tôi làm điều đó trong khoảng 2 tiếng đồng hồ. Tôi còn nhớ lúc đó phải nhờ người ở lại bảo vệ di hài đã xếp vào tiểu, còn chúng tôi đều kéo về nhà ông Gia làm nắp tiểu mới. Không phải nắp tiểu đúc xong là dùng ngay được mà còn phải chờ cho khô. Thế là chúng tôi lại phải nghỉ tối ở nhà ông Gia một lần nữa. Hôm sau, trước lúc ra về, tôi đã vẽ một bản đồ chi tiết về nghĩa trang bãi Bưởi Đào để sau này tiện tìm kiếm..

*
* *

Sau khi về nước, anh Viện đã một vài lần đề xuất với tôi và Phê việc đưa di hài thân phụ tôi về song qua nhiều năm, điều đó vẫn chưa thể làm được vì lệ thuộc vào nhiều điều kiện.

Năm 1976 là thời điểm thuận lợi và cũng là thời điểm không thể trì hoãn: đất nước đã thống nhất, hòa bình, đi lại thuận tiện; sau hơn 17 năm công tác tại ĐHSP Vinh, 1976 là năm nhà trường đã hứa dứt khoát cho tôi chuyển ra Hà Nội (Việc đưa di hài ra nhất định tôi phải tham gia và tôi còn ở ĐHSP Vinh thì việc làm đó sẽ thuận lợi hơn vì có vài sinh viên quê gần Trại Đưng và họ đã hứa sẽ giúp tôi trong việc này).

Thế là năm 1976, cũng vào một ngày hè, chúng tôi lại lên Trại Đưng. Kế hoạch cụ thể, tôi và anh Viện đã trao đổi từ trước. Xuất phát sáng sớm từ Hà Nội, chiều tối anh Viện tới Vinh và nghỉ tại Nhà khách của tỉnh. Sáng hôm sau, anh qua ĐHSP Vinh đón tôi và Nguyễn Thế Việt rồi đi ngay lên Hương Khê. Trưa, nghỉ và ăn cơm tại nhà Việt, vì nghĩ rằng với dụng cụ đã chuẩn bị (chú Vịnh chuẩn bị một số, gia đình Việt bổ sung thêm nên có thể nói là rất đầy đủ và đồng bộ), với 2 bản đồ trong tay (một bản tôi vẽ năm 1957 và một bản Phê vẽ năm 1963), với 2 người khỏe mạnh như chú Vịnh và Việt, thời gian cả một buổi chiều là chắc chắn sẽ làm xong.

Nào ngờ... hai bản đồ rải ra trước mắt mà cả 4 người tìm mãi vẫn không thể tìm ra mộ của thân phụ tôi. Bản đồ của Phê thì mục đích chính là xác định cho thật rõ đường đi vào Trại Đưng nên phạm vi không gian bao quát quá rộng, không làm rõ được tương quan vị trí giữa mộ bố tôi và các ngôi mộ khác. Bản đồ do tôi vẽ thì chi tiết nhưng sau khi tôi lên cải cát, nhiều gia đình khác cũng lên làm và một số không đặt đúng lại vị trí cũ, nghe nói còn xuất hiện thêm không ít ngôi mộ khác nên rất khó xác định. Điều làm cho chúng tôi lo nhất là sau gần 20 năm, vật đổi sao dời, hầu hết mộ chí đã biến mất. Lần này là đưa di hài về nên lại càng phải rất thận trọng, đưa về nhầm thì mang tội đủ bề. Vì có phần chủ quan, vả lại tính anh Viện cũng không muốn làm phiền hà người khác nên khi chợt nghĩ tới ông Gia thì mặt trời đã sắp lặn. Tình huống buộc lại phải vào nhờ ông Gia, dù chưa biết tình hình ông bây giờ ra sao vì từ lần gặp trước đến nay đã ngót 19 năm, năm 1963 Phê có về đây và trong bản đồ có ghi vị trí nhà ông nhưng không biết Phê có gặp ông ấy không? Đến nhà thì biết ông sang giúp người bà con ở xã bên làm nhà, có hôm về có hôm không. Hơi buồn nhưng lại rất mừng vì biết thế là ông còn khỏe. Tôi gửi lại một bức thư nhờ gia đình chuyển, đại ý: Chúng tôi là con cụ Hoàng Niêm lên để xin đưa di hài cụ về nhưng cả buổi chiều không thể tìm ra được mộ cụ. Gần 20 năm trước, ông là người đã giúp gia đình cải cát cho cụ nên hẳn còn nhớ vị trí. Nếu tối nay ông về nhà thì rất mong ông tạm nghỉ việc làm nhà ngày mai để giúp chúng tôi việc lớn này. Gia đình chúng tôi sẽ rất vô cùng biết ơn... Rất may là đêm đó ông Gia có về... Tối hôm đó chúng tôi lại quay về nhà Việt với tâm trạng lo âu thấp thỏm, buồn vui lẫn lộn. Sáng hôm sau, vì sốt ruột chúng tôi khởi hành rất sớm, đến gần vùng Trại Đưng, nhìn từ xa, tôi đã thấy ông Gia, bấy giờ đáng

phải gọi là cụ Gia, đang lúi húi tìm kiếm trên bãi Bưởi Đào. Tóc đã điểm bạc nhưng nét mặt vẫn rắn rỏi, tay chân vẫn săn chắc. Chú Vịnh bấm một tiếng còi, ông vụt quay lại, tay gạt cỏ dại, vội chạy ra niềm nở đón chúng tôi. Cụ Gia tìm trên thực địa rồi lại giở 2 bản đồ đối chiếu, thế mà tìm mãi cho đến gần trưa cũng không được. Tự nhiên cụ đi nhanh sang một hướng khác, trầm tư một lúc rồi chỉ vào một ngôi mộ trước mặt và nói: “Tôi đoán là ngôi này, ta cứ thử đào, nếu không trúng thì đắp lại tử tế cho người ta”. Thế là mọi người lại bắt tay đào bới. Trong đời, quả thật chưa bao giờ tâm trạng tôi lại bồi hồi, thấp thỏm đến như thế. Cuối cùng, tên của bố tôi trên nắp ván thiên lộ dần. Đúng là “Hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân”. Chúng tôi chỉ là những đứa con có hiếu kiên trì việc thực hiện bốn phận. Cụ Gia mới là “hảo tâm nhân” đầu tiên đáng được trời phù hộ. Chẳng biết đến bây giờ cụ còn sống hay không. Nếu còn, cũng phải khoảng trên chín mươi rồi!



“Nắp thiên” trên mộ cụ Niêm được lưu giữ tại nhà BS Nguyễn Khắc Viện - Hà Nội, sau khi đưa di hài cụ về quê.

Về Vinh, anh Viện lại nghỉ ở Nhà khách tỉnh. Anh bảo tôi cùng đi với anh lên đó để bàn tiếp công việc. Lúc ở Hương Khê, chính anh là người giành lấy việc xếp đặt di hài vào một túi ni-lông đẹp đã chuẩn bị sẵn. Đoạn anh lại cho túi ấy vào một cái túi du lịch mới. Anh mỉm cười nói với tôi: “Thầy đã 3 lần làm quan đầu tỉnh nên cũng đủ tiêu chuẩn nghỉ ở Nhà khách của tỉnh, Phi nhỉ!”. Nói xong anh trân trọng nâng lên và đặt cái túi du lịch vào ngăn trên cùng của chiếc tủ gương. Có một chi tiết rất quan trọng cần phải nói thêm: không thể mang về trọn vẹn cái nắp thiên bê tông kỳ

diệu, anh Viện chỉ chọn lấy cái góc còn hằn rõ chữ NIỆM. Mảnh bê tông này, anh đặt trên bàn thờ ở nhà số 8 đường Nguyễn Chế Nghĩa, mãi đến đầu năm 2013, tức 37 năm sau, khi chị Nhất sắp qua đời, tôi mới bàn với cháu Bình đưa về nhà tôi.

Chỉ khoảng một tuần sau, tôi nhận được thư anh hẹn ra Hà Nội dự lễ hỏa thiêu di hài bố tôi. Anh đã nêu ý định này với tôi hôm ở Nhà khách của tỉnh nhưng không ngờ anh ấy làm thật và quyết định nhanh thế. Lúc ấy mẹ tôi còn sống. Chắc anh ấy có hỏi mẹ tôi (vì anh rất kính trọng mẹ tôi) và chắc mẹ tôi cũng đồng ý. (Vì mẹ tôi là một phụ nữ cấp tiến ngay từ khi là một phu nhân của quan nhất phẩm triều đình!). Nơi hỏa thiêu chính là căn phòng làm việc nhỏ bé của anh Viện ở số 8 đường Nguyễn Chế Nghĩa, nhiên liệu là xăng, người thực hiện không ai khác chính là con trai cả Nguyễn Khắc Viện! Anh còn chuẩn bị một hộp kim loại đẹp để đựng tro di hài, một hộp sơn mài để đựng hộp kim loại ấy, và trên nắp hộp sơn mài, anh đã tự viết mấy chữ chân phương rất đẹp màu vàng: “*Hoàng giáp Nguyễn Khắc Niêm. 1889-1954*”.

Thế là sau lần lên Trại Đưng thứ ba, việc đưa di hài thân phụ tôi đã cơ bản hoàn thành. Nói là cơ bản vì hộp sơn mài đựng tro di hài thân phụ không thể đặt mãi trên bàn làm việc của người con cả. Có một con số thật đẹp và lý thú đến kỳ lạ: Nếu từ ngày tôi và chị Chuyết đi Hương Khê cải cát cho cụ đến

khi tôi và anh Viện lên đưa di hài về Hà Nội là đúng 19 năm (1957-1976), thì từ ngày đưa di hài cụ về Hà Nội đến khi cả gia đình đưa di hài cụ cùng di hài kế thất (tức thân mẫu của tôi) về quê cũng 19 năm (1976-1995)!

Trong lễ đón di hài bố mẹ tôi tại nhà thờ Đại tôn họ Nguyễn Khắc tại Sơn Hòa, tôi lại được anh chị em giao cho việc thảo lời diếu và đọc trước sự chứng kiến của lãnh đạo địa phương và tất cả bà con, họ hàng, làng xóm.

Lúc mai táng tro di hài cụ ở nghĩa trang Phúc De, chú Nguyễn Khắc Giang, trưởng ban tộc biểu của họ Nguyễn Khắc tại Hà Nội bấy giờ, quyết định đặt vị trí cao hơn vị trí mộ của chánh thất và kế thất cũng như vị trí của các cô chú cùng thế hệ. Có vài ý kiến đề nghị cân nhắc nhưng Giang nhất định bảo lưu ý kiến. Bấy giờ nhìn lại, thấy Giang quả là người có viễn kiến. Trong lúc xây dựng hồ sơ để xét công nhận nhà thờ Đại tôn họ Nguyễn Khắc chi phái Hương An là Di tích Lịch sử-Văn hóa, ngoài cơ sở, công trình chủ yếu là nhà thờ Đại tôn, còn có 8 công trình phụ trợ, trong đó, phần mộ của Hoàng giáp Nguyễn Khắc Niêm là công trình số 7 và Nhà Tưởng niệm Hoàng giáp Nguyễn Khắc Niêm là công trình số 8!

*

* *

Trước khi tường thuật chuyện *ba lần lên trại Đưng*, tôi có kể về chuyện *ba lần mất cơ hội* của tôi. Thật ra, những cái gọi là cơ hội đó hoàn toàn không có nghĩa lý gì so với *hai cơ hội* quý giá mà vì nhiều lý do thân phụ tôi chưa muốn hoặc không đủ điều kiện để đón nhận. Tuy vậy, về phần tôi, “nhờ” *ba lần mất cơ hội* này mà ông trời lại sắp xếp cho tôi *ba lần lên Trại Đưng*, ba cơ hội vô giá khác để làm tròn việc hiếu!

Thầy đã làm những gì, không làm những gì, cư xử với họ hàng làng xóm ra sao, trước sau mọi người đều biết, đều hiểu, đều thông cảm. Lịch sử cuối cùng bao giờ cũng công minh. Nhân dân, nhà nước, họ hàng làng xã, các thế hệ mai sau đã và sẽ đánh giá Thầy một cách khách quan và đặt vị trí của Thầy đúng chỗ!

Còn những chuyến đi lên Trại Đưng của con chỉ góp một phần rất nhỏ vào việc lưu giữ di sản quý báu mà Thầy đã để lại mà thôi.

Hà Nội, ngày Rằm tháng 7 năm Giáp Ngọ (10/8/2014)

N K P

CHU THÍCH

- (1) *Trại Đưng*: thuộc xã Hương Xuân, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, là tên nhân dân địa phương dùng để gọi một trại giam sử dụng một phần diện tích của đồn điền do ông Hoàng Bích, một địa chủ yêu nước hiến cho nhà nước ngay những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám, vì vậy cũng còn được gọi là *Trại Hoàng Bích*. Riêng với tôi, Hoàng Bích là một người quen thuộc nếu không muốn nói là thân thiết. Cụ xuất thân trong một gia đình có nhiều người nổi tiếng ở làng Đông Thái, huyện Đức Thọ. Cụ là thân sinh anh Hoàng Lâm, bạn thân của tôi lúc học cấp III và đại học, của PGS Hoàng Dung, từng đảm nhiệm cương vị Bí thư Liên chi ủy Khoa Văn - ĐHSF Hà Nội. Cụ là anh ruột nhà văn Hoàng Ngọc Phách, tác giả cuốn *Tổ Tâm* nổi tiếng. Cụ là bác ruột nhà giáo - nhà báo lão thành Hoàng Nguyên Cát, thầy dạy của tôi ở Trường Tiểu học Thịnh Xá, người đầu tiên đã truyền cho tôi niềm say mê ca hát từ thuở ấu thơ. Cụ là bác ruột của 2 em Khanh và Mai, ở số nhà 15 phố Hàng Bè, nơi mà 59 năm về trước, tôi đã đến kèm 2 em môn toán. Khi học cấp III, chính cụ là người tổ chức

lớp nhạc mà tôi và một số bạn đã theo học. Hẳn cụ Bích cũng không ngờ một phần đất hiến điền đã trở thành nơi yên nghỉ tạm thời hoặc vĩnh viễn của những thân sĩ nổi tiếng của quê nhà như thân phụ tôi, Tiến sĩ Nguyễn Xuân Đán, cậu ruột của anh Nguyễn Khắc Viện, Tiến sĩ Nguyễn Mai, hậu duệ của thi hào Nguyễn Du...!

- (2) Ấn tượng đầy tính chất cảm tính đó càng về sau càng được thực tế xác nhận. Ngay sau CCRĐ, anh Nguyễn Ngọc Cẩn, người con rể tuyệt vời nhất của gia đình tôi, bấy giờ đang công tác ở Sở Giao thông Khu IV, đã gửi đơn lên UBHC Liên khu xin phép cho đưa mẹ và 2 em gái tôi xuống Vinh ở với gia đình anh, ông Hoàng Văn Diệm đã lập tức phê duyệt. Đặt trong bối cảnh đương thời, đó là một hành động nhanh nhạy, sáng suốt và dũng cảm.

Sau khi cấp Liên khu giải thể, ông Diệm chuyển về làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính tỉnh Nghệ An, gần như cùng lúc tôi được cử về công tác tại ĐHSP Vinh. Một hôm, tôi được triệu tập lên Ủy ban tỉnh giữa sự ngạc nhiên của mọi người. Chính tôi cũng ngạc nhiên không kém. Tôi vừa bước vào phòng thì ông đã tươi cười đứng dậy ra bắt tay niềm nở và nói ngay: “Bây giờ lại nhờ nhà văn một việc hệ trọng đây!”. Tôi rất chú ý đến chữ “lại”. Phải chăng ông còn nhớ chuyện giao nhiệm vụ “phát biểu ý kiến” năm nào? Không để tôi chờ lâu, ông đi ngay vào vấn đề: “Tỉnh ta sắp làm lễ kết nghĩa với tỉnh Quảng Ngãi. Nhờ nhà văn nhân danh Đảng bộ và nhân dân Nghệ An viết một bức thư gửi tới Đảng bộ và nhân dân tỉnh Quảng Ngãi”. Được tin nhiệm như vậy, dĩ nhiên là tôi vui vẻ nhận lời nhưng đồng thời cũng thanh minh ngay mình không phải là nhà văn. Tôi đã bỏ ra hơn 10 ngày để tìm hiểu lịch sử về mọi mặt của 2 tỉnh. Tôi đã phát hiện ra giữa 2 tỉnh có nhiều điểm giống nhau kỳ lạ, nhờ đó đã tạo được tứ chủ đạo cho bức thư và đã hoàn thành nhiệm vụ được giao trước thời hạn. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, bức thư do tôi chấp bút đã được ngành giáo dục Nghệ An đưa vào giảng dạy trong nhà trường.

TÓM TẮT

Trước khi kể chuyện “Ba lần lên Trại Đưng”, tác giả đã phác họa hoàn cảnh, không khí học tập, lao động của bản thân cũng như bạn bè thuộc lớp thanh niên có học trước và trong giai đoạn “Cải cách ruộng đất” ở Nghệ Tĩnh. Còn sự kiện chính được kể trong bài viết là chuyện tác giả đã ba lần đi lên Trại Đưng (còn gọi là Trại Hoàng Bích), một trại giam được thiết lập đầu những năm 50 của thế kỷ trước tại huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, khi cuộc PDQC-CCRĐ bắt đầu phát động. Lần thứ nhất, năm 1954, đưa thân phụ, Hoàng giáp Nguyễn Khắc Niêm lên trại với sự giám sát của nhà chức trách; lần thứ hai, năm 1957, lên trại cải cát cho cụ; lần thứ ba, năm 1976, cùng anh cả là Nguyễn Khắc Viện lên trại để đưa di hài cụ ra Hà Nội.

Bằng một giọng văn điềm tĩnh pha chút ngậm ngùi, với một thái độ khách quan trung thực, qua hàng loạt tình tiết cụ thể sinh động, tác giả đã phác lên một bức tranh chấm phá đầy ý nghĩa về những sự việc, về một thời điểm rất khó quên trong ký ức của nhiều người cũng như trong lịch sử phát triển của đất nước.

ABSTRACT

ABOUT THE STORY OF “THREE TIMES GOING UP ĐƯNG PRISON CAMP”

Before telling the story of “Three times going up Đưng prison camp”, the author outlines his literate friends’ and his circumstances of learning and labour before and during the period of “Land Reform” in the provinces of Nghệ Tĩnh. And the main event in the article is about his times of going up Đưng prison camp (also called Hoàng Bích prison camp), established in the early 50’s of the 20th century in Hương Khê District, Hà Tĩnh Province, when the campaign of mobilizing the masses for land reform was launched. The first time was in 1954 when he took his father, Dr. Nguyễn Khắc Niêm, to the camp under the supervision of the authorities; the second time, in 1957, when he reintegrated his father’s remains; and the third time, in 1976, when he and his eldest brother, Nguyễn Khắc Viện, moved their father’s remains to Hà Nội.

Through a series of specific and vivid circumstances, the author, with the tone of calmness mixed with a little melancholy and the objective, honest attitude, drew a meaningful sketch of an unforgettable time in many people’s memories as well as in the history of the country.